

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70 /2019/DS-ST

Ngày: 22/5/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Quốc.

2. Ông Đỗ Văn Riều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:
Ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 164/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXX-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1958 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp TT, xã ĐS, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Từ Thanh D**, sinh năm 1973 (Xin vắng mặt);

Chị **Phạm Thị Ngọc D**, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp LH, xã LC, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và bản tự khai ngày 13/12/2018 của nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày:*

Ngày 09/3/2017 AL vợ chồng anh Từ Thanh D và chị Phạm Thị Ngọc D có vay của bà Đ 60.000.000 đồng , thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng. Hẹn 5 tháng trả vốn và lãi. Ngày 14/3/2017 AL chị D có vay thêm 45.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng khi vay vợ chồng chị D có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng cộng số tiền vay là 105.000.000 đồng. Nay bà Đ yêu cầu anh D và chị D trả số tiền vốn 105.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử (Lãi tạm tính

đến ngày khởi kiện là 19.950.000 đồng). Yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Từ Thanh D trình bày:*

Anh xác định vợ chồng anh có nợ bà Lê Thị Đ tổng số tiền 105.000.000 đồng. Anh đồng ý trả vốn 105.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin không trả lãi vì hiện giờ vợ chồng anh rất khó khăn về kinh tế. Ngày 20/3/2019 anh D có đơn xin vắng mặt trong suốt thời gian Tòa giải quyết vụ án.

* Bị đơn chị Phạm Thị Ngọc D mặc dù được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không nộp cho Tòa án Bản tự khai cũng như văn bản ghi ý kiến của mình. Đồng thời Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Phạm Thị Ngọc D nhưng do chị D vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt chị D và không hòa giải vụ án được.

* Tại phiên Tòa: Bà Đ yêu cầu chị D và anh D cùng trả 105.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền 60.000.000 đồng tính từ ngày 09/3/2017 âm lịch cho đến ngày xét xử; số tiền 45.000.000 đồng tính từ ngày 14/3/2017 âm lịch cho đến ngày xét xử. Năm 2017 có nhuận 02 tháng 6, thời gian tính lãi cả 02 khoản nợ tính tròn 26 tháng x 1% x 105.000.000 đồng = 27.300.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 132.300.000 đồng. Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà Lê Thị Đ tự nguyện trả lại cho chị Phạm Thị Ngọc D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00371 ngày 08/11/2011 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho Phạm Thị Ngọc D..

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công phát biểu:

Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Anh Từ Thanh D có đơn xin vắng mặt, chị Phạm Thị Ngọc D vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Lê Thị Đ và anh Từ Thanh D, chị Phạm Thị Ngọc D là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ

luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

- Về nội dung:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị Đ với anh Từ Thanh D và chị Phạm Thị Ngọc D thực tế có xảy ra. Do bà Đ có cung cấp cho Tòa án 02 giấy mượn tiền ghi ngày 09/3/2017 âm lịch và 14/3/2017 âm lịch, được anh Từ Thanh D và con gái là chị Từ Ngọc Tr, anh Mai Kim L là người làm chứng xác nhận là có nợ. Bản thân anh D thống nhất cùng chị D trả 105.000.000 đồng tiền gốc nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin không trả lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ, yêu cầu anh D và chị D trả số tiền vốn 105.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử. Yêu cầu trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian trả nợ: Anh D xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, xin không trả lãi không được bà Đ chấp nhận và không phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, cần buộc anh Từ Thanh D và chị Phạm Thị Ngọc D trả cho bà Lê Thị Đ số tiền tổng cộng vốn gốc và lãi là 132.300.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Từ Thanh D, chị Phạm Thị Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

Buộc anh Từ Thanh D và chị Phạm Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Đ số tiền tổng cộng vốn gốc và lãi là 132.300.000 đồng (*Một trăm ba mươi hai*

triệu ba trăm nghìn đồng) (Trong đó tiền gốc là 105.000.000 đồng và lãi là 27.300.000 đồng) , trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận bà Lê Thị Đ tự nguyện trả lại cho chị Phạm Thị Ngọc D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00371 ngày 08/11/2011 do Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công cấp cho Phạm Thị Ngọc D.

2. Về án phí:

- Anh Từ Thanh D và chị Phạm Thị Ngọc D chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.615.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng*).

- Bà Lê Thị Đ không phải nộp tạm ứng án phí nên không phải hoàn.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnhTG
- VKSND TXGC
- CCTHADS TXGC
- Các đương sự
- Luu: HS, AV

Đã ký và đóng dấu

LÊ THỊ HẰNG

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)